TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – ĐÀ NẴNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 21/2025/DS-ST
Ngày: 14 - 8 - 2025
V/v tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hiếu

2. Ông Nguyễn Văn Trình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự- Thư ký tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXX-ST ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**

Địa chỉ: 2 N, Phường H, Quận C (nay là phường V), Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D- Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện tham gia tố tụng: Bà Võ Thị Như Q. Địa chỉ liên hệ: 225 Ông Í, phường H, quận H (nay là phường H), thành phố Đà Nẵng- Có mặt;

2. Bị đơn: Ông **Tô Văn T**, sinh năm: 1989

Địa chỉ: A C, tổ E, phường H, quận C (nay là phường C), thành phố Đà Nẵng- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2025, bản tự khai cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 01/03/2024, ông T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và

bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân.

1. Đối với khoản vay trên thẻ tín dụng 9413-TD nội địa - VTD SacombankPay số thẻ 211251-2058;

Ngày 25/04/2024, ông T đã thực hiện giao dịch 12.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 0 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Đến ngày 26/08/2024, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tính đến ngày 14/8/2025, ông T còn nợ ngân hàng các khoản sau:

Dư nợ quá hạn: 13.160.000 đồng; Lãi quá hạn: 6.002.059 đồng. Tổng cộng: 19.162.059 đồng. Lãi suất trong hạn: 1.4%/tháng; Lãi suất quá hạn: 2.1%/tháng (1.4% x 150%).

2. Đối với khoản vay trên thẻ tín dụng 9413-TD noi dia - VTD SacombankPay số thẻ 211251-7655;

Ngày 25/03/2024, ông T đã thực hiện giao dịch 11.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 2.496.573 đồng. Trong đó: lãi: 154.000 đồng, phí: 80.000 đồng và gốc 2.262.573 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Đến ngày 26/08/2024, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tính đến ngày 14/8/2025, ông T còn nợ ngân hàng các khoản sau:

Dư nợ quá hạn: 9.827.427 đồng; Lãi quá hạn: 4.601.544 đồng. Tổng cộng: 14.428.971 đồng. Lãi suất trong hạn: 1.4%/tháng; Lãi suất quá hạn: 2.1%/tháng (1.4% x 150%).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã qui định tại Hợp đồng.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Tô Văn T phải trả ngay cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/8/2025, trong đó:

Dư nợ quá hạn: 22.987.427 đồng; Lãi quá hạn 10.603.603 đồng. Tổng cộng: 33.591.030 đồng.

Ông Tô Văn T phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 15/8/2025 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

* Bị đơn ông Tô Văn T đã được tòa án tiến hành tống đạt đầy đủ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự trình bày ý kiến, cung cấp các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng ông T đều vắng mặt nên Tòa án không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S nộp tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ (cũ), TP . và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn là ông Tô Văn T vắng mặt không có lý do. Xét thấy trong qúa trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Do có nhu cầu tiêu dùng cá nhân nên vào ngày 01/03/2024, ông Đỗ Văn T1 có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông T1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân;

1. Đối với khoản vay trên thẻ tín dụng 9413-TD nội địa - VTD SacombankPay số thẻ 211251-2058;

Ngày 25/4/2024 sau khi được cấp tín dụng ông T1 đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 12.000.000 đồng; trong quá trình sử dụng thẻ ông T1 vẫn chưa thanh toán tiền cho Ngân hàng, với lãi suất áp dụng 1,4%/tháng (lãi suất trong hạn) và lãi quá hạn 2,1%/tháng (2.1% x 150%).

2. Đối với khoản vay trên thẻ tín dụng 9413-TD noi dia - VTD SacombankPay số thẻ 211251-7655;

Ngày 25/3/2024 sau khi được cấp tín dụng ông T1 đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 11.000.000 đồng; trong quá trình sử dụng thẻ ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng với số tiền gốc, tiền lãi và phí là 2.496.573 đồng với lãi suất áp dụng 1,4%/tháng (lãi suất trong hạn) và lãi quá hạn 2,1%/tháng (2.1% x 150%).

Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng TMCP S đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu của ông T1 về việc cấp thẻ tín dụng nhưng cho đến nay ông T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà đã vi phạm các cam kết về kỳ hạn trả nợ cho Ngân hàng TMCP S. Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 26/8/2024 Ngân hàng TMCP S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết; buộc ông Tô Văn T trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/8/2025 là 33.591.030 đồng, trong đó: nợ gốc: 22.987.427 đồng; lãi quá hạn: 10.603.603 đồng.

Ông Tô Văn T phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 15/8/2025 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

Xét yêu cầu của đương sự, trên cơ sở xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và ý kiến, trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3]Đối với yêu cầu trả khoản nợ gốc: 22.987.427 đồng;

Ngày 01/3/2024, ông Tô Văn T ký với Ngân hàng TMCP S1 đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng 9413-TD nội địa - VTD SacombankPay số thẻ 211251-2058 và thẻ tín dụng 9413-TD noi dia - VTD SacombankPay số thẻ 211251-7655, theo đó Ngân hàng TMCP S cấp cho ông Tô Văn T thẻ tín dụng với hạn mức 30.000.000 đồng. Theo các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng TMCP S cung cấp thể hiện; sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện giao dịch với số tiền 23.000.000 đồng, tính đến ngày 25/12/2024 ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.496.573 đồng, trong đó tiền lãi: 154.000 đồng, phí: 80.000 đồng và gốc 2.262.573 đồng. Tính đến ngày 14/8/2025 dư nợ gốc của ông T là 22.987.427 đồng, từ thời điểm đó đến nay ông T không thanh toán được nợ gốc, nợ lãi và các khoản phí cho Ngân hàng. Như vậy, theo bản Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ như đã viện dẫn nêu trên thì ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông T phải thanh toán nợ cho Ngân hàng trong đó có khoản nợ gốc 22.987.427 đồng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.1]Đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc bị đơn trả khoản lãi quá hạn với số tiền 10.603.603 đồng tính từ ngày 26/8/2024 đến ngày 14/8/2025. Theo cam kết tại giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng thì các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn áp dụng là 1.4%/tháng; lãi suất quá hạn 2.1%/tháng (1.4% x 150%). Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng N quy định "*Số tiền lãi: là khoản tiền tổ chức tín dụng phải trả cho khách hàng gửi tiền hoặc khách hàng nhận cấp*

tín dụng phải trả cho tổ chức tín dụng về việc sử dụng khoản tiền đã nhận". Theo điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định *"Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất không vượt quá 150% lãi cho vay trong hạn"*. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu tính lãi trong hạn và quá hạn trên số tiền nợ gốc là 10.603.603 đồng, tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nên cần chấp nhận.

[5] Căn cứ vào phiếu đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ ngày 01/3/2024; căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Tô Văn T.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo giá ngạch 5% của số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự. Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng N quy định về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận, gửi tiền, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng. Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhậnyêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP S đối với ông Tô Văn T.

Tuyên xử: Buộc ông Tô Văn T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tính đến ngày 14/8/2025 là 33.591.030 đồng, trong đó: nợ gốc 22.987.427 đồng; lãi quá hạn 10.603.603 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 15/8/2025) ông Tô Văn T còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

Án phí dân sự sơ thẩm: 1.679.551 đồng, ông Tô Văn T phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 731.692 đồng theo biên lai thu số 0009667 ngày 14/4/2025, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP . (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3- Đà Nẵng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Lâm